|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/NQ-HĐND | *Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2021* |
| **(DỰ THẢO LẦN 1)** |  |

# NGHỊ QUYẾT Quy định một số chính sách về phát triển văn hóa, thể thao

# đến năm 2025 và những năm tiếp theo

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá”;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Căn cứ Thông tư 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”;*

*Xét Văn bản số .../TTr-UBND ngày ... tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách về phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Báo cáo thẩm tra của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

## QUYẾT NGHỊ:

### Chương I PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách về phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có liên quan đến phạm vi điều chỉnh được quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

### Chương II CHÍNH SÁCH VỀ VĂN HÓA, THỂ THAO CƠ SỞ

##### Điều 3. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn

###### 1. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ các xã, phường, thị trấn đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã khu vực III, II, I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng mới trung tâm văn hóa, thể thao, điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em: tối đa 600.000.000 đồng/hội trường văn hóa đa năng; tối đa 150.000.000 đồng/khu thể thao; tối đa 100.000.000 đồng/điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em.

b) Hỗ trợ các xã, phường, thị trấn không thuộc đối tượng hỗ trợ tại điểm a khoản này xây dựng mới trung tâm văn hóa, thể thao, điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em: tối đa 400.000.000 đồng/hội trường văn hóa đa năng; tối đa 100.000.000 đồng/khu thể thao; tối đa 70.000.000 đồng/điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em.

c) Hỗ trợ các xã, phường, thị trấn sửa chữa lớn hội trường văn hóa đa năng do xuống cấp, không đảm bảo hoạt động, có tổng chi phí sửa chữa từ 1.000.000.000 đồng trở lên (có thẩm định của cấp có thẩm quyền): tối đa 200.000.000 đồng/hội trường văn hóa đa năng.

Những công trình đã cân đối đủ nguồn vốn (Nghị quyết 30a, Chương trình 135, các chương trình khác và xã hội hóa) thì không được hưởng chính sách này.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 1 Phụ lục 1).

b) Bản sao có chứng thực Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc văn bản quy định tương đương) của cơ quan có thẩm quyền.

c) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt dự án, Quyết định phê duyệt bản vẽ thi công và tổng dự toán, thông báo thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền.

d) Văn bản xác nhận công nợ (đối với các công trình đã nghiệm thu và quyết toán nhưng còn nợ vốn).

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 2 Phụ lục 1) và các hồ sơ liên quan gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Căn cứ vào danh sách đề nghị hỗ trợ, trước 30 tháng 6 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

d) Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

đ) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

##### Điều 4. Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao thôn, tổ dân phố

###### 1. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ các thôn, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã khu vực III, II, I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao: tối đa 150.000.000 đồng/nhà văn hóa; tối đa 40.000.000 đồng/khu thể thao.

b) Hỗ trợ các các thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng hỗ trợ tại điểm a khoản này: tối đa 100.000.000 đồng/nhà văn hóa thôn; tối đa 30.000.000 đồng/khu thể thao thôn.

c) Đối với các thôn, tổ dân phố sau sáp nhập, nếu các nhà văn hóa hiện tại không đảm bảo tiêu chuẩn quy định về diện tích, quy mô, quy hoạch thì được phép chuyển quyền sử dụng đất và bán tài sản trên đất để xây dựng tại địa điểm quy hoạch mới. Tiền bán đất sẽ được điều tiết theo tỷ lệ chung của tỉnh.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 1 Phụ lục 1).

b) Bản sao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc văn bản quy định tương đương) của cơ quan có thẩm quyền.

c) Bản sao Quyết định phê duyệt dự án, Quyết định phê duyệt bản vẽ thi công và tổng dự toán, thông báo thẩm định dự toán của cơ quan có thẩm quyền.

d) Văn bản xác nhận công nợ (đối với các công trình đã nghiệm thu và quyết toán nhưng còn nợ vốn).

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ (theo mẫu số 2 Phụ lục 1) và các hồ sơ liên quan gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Căn cứ vào danh sách đề nghị, trước 30 tháng 6 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

d) Sau khi nhận được văn bản đề nghị và đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

đ) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, *Sở Tài chính thực hiện thủ tục cấp kinh phí cho các đối tượng*.

##### Điều 5. Chính sách khen thưởng các danh hiệu văn hóa trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” (Mới)

###### 1. Nội dung, mức chi khen thưởng:

a) Gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” trong 3 năm liên tục, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét tặng Giấy khen kèm theo tiền thưởng 200.000 đồng; số lượng gia đình được khen thưởng trong một năm không vượt quá 15% số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” trong 3 năm liên tục của khu dân cư.

b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa lần đầu được cấp Giấy công nhận kèm theo tiền thưởng 2.000.000 đồng.

c) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận lại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa được cấp Giấy công nhận kèm theo tiền thưởng 3.000.000 đồng.

d) “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”; “Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” khi công nhận lần đầu hoặc công nhận lại được Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy công nhận kèm theo tiền thưởng 10.000.000 đồng.

###### 2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Đối với danh hiệu văn hóa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của thôn, tổ dân phố;

- Biên bản họp thôn, tổ dân phố xét đề nghị khen thưởng “Gia đình văn hóa” có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

b) Đối với danh hiệu văn hóa được quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này:

- Văn bản của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cùng cấp gửi Ủy ban nhân dân cấp tương đương đề nghị công nhận các danh hiệu văn hóa;

- Biên bản họp Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cùng cấp đề nghị công nhận các danh hiệu văn hóa.

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Đối với danh hiệu văn hóa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- Thôn, tổ dân phố lập hồ sơ gửi Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, phường, thị trấn;

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị của thôn, tổ dân phố, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” xã, phường, thị trấn tổ chức thẩm định và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đề nghị khen thưởng.

b) Đối với các danh hiệu văn hóa:

Căn cứ kết quả xét công nhận các danh hiệu văn hóa, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cùng cấp có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tương đương đề nghị đề nghị khen thưởng cho các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

- Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tương đương ban hành Quyết định và cấp kinh phí khen thưởng cho các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

##### Điều 6. Chính sách hỗ trợ tu sửa, chống xuống cấp di tích

###### 1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

a) Các di tích đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt.

b) Các di tích phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Trong trường hợp các di tích có cùng mức độ xuống cấp thì thứ tự ưu tiên lần lượt như sau: các di tích do cộng đồng quản lý gồm: Đền, chùa, đình, miếu, di tích Lịch sử cách mạng, khảo cổ học...; di tích nằm ở vùng sâu, vùng xa, ven biển thường xuyên chịu tác động của thiên tai, lũ lụt gây hư hỏng nghiêm trọng, di tích khó khăn trong việc huy động xã hội hóa; di tích nhà thờ họ, nhà thờ danh nhân.

d) Các di tích trong diện giải tỏa, tranh chấp, khiếu kiện không được hỗ trợ.

###### 2. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ từ 300.000.000 đồng đến tối đa 1.000.000.000 đồng đối với các di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích bằng gỗ hoặc các vật liệu truyền thống như: vôi, vữa, mật mía… có chạm khắc hoa văn, chạm vẽ các chi tiết nghệ thuật, có giá trị về mặt nghiên cứu khoa học, có niên đại xây dựng trên 100 năm... bị hư hại hoàn toàn, không đảm bảo sử dụng, cần phải khẩn cấp tiến hành tu bổ, phục hồi nhằm tránh nguy cơ sụp đổ, phế tích.

b) Hỗ trợ từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với di tích có hệ thống cấu kiện (cột, vì kèo, tường bao, bức vách, mái ngói…) nằm trong nhiều hạng mục (Tam quan, thượng điện, trung điện, bái đường, hậu cung…) bị hư hỏng do mối mọt, thấm dột, vi sinh vật độc hại ăn mòn; nền sụt lún, tường nứt gãy… rất cần phải được thay thế, tu bổ kịp thời.

c) Hỗ trợ từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với di tích có một số cấu kiện (cột, vì kèo, tường bao, bức vách, mái ngói…) nằm trong một số hạng mục (Tam quan, thượng điện, trung điện, bái đường, hậu cung…) bị hư hại, yêu cầu cần phải thay thế, tu bổ từng phần, tránh nguy cơ ảnh hưởng đến các phần (cấu kiện, hạng mục) khác.

d) Hỗ trợ từ tối đa 100.000.000 đồng đối với di tích có một số bộ phận cấu kiện đơn lẻ bị hư hỏng, cần phải được gia cố, gia cường, hoặc thay thế và các di tích chỉ tu sửa hạng mục mộ, hàng rào...

###### 3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị của Chủ sở hữu di tích.

b) Văn bản xác nhận của UBND các huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan có liên quan.

c) Biên bản kiểm tra, làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương, cơ quan liên quan, Chủ sở hữu di tích.

4. Quy trình thực hiện:

a) Chủ sở hữu di tích gửi văn bản đề nghị hỗ trợ về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

b) Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ và các hồ sơ liên quan gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Căn cứ danh sách các di tích đề nghị, trước 30 tháng 6 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

d) Sau khi nhận được văn bản đề nghị và đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

đ) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ cho các di tích.

##### Điều 7. Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Truyện Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ

###### 1. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí tư liệu hóa, số hóa các làn điệu, lời cố, bản cổ về Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Trò Kiều, các bản Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ.

b) Các Câu lạc bộ Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh thành lập mới, năm đầu được hỗ trợ: 30.000.000đ/Câu lạc bộ; những năm tiếp theo hoạt động thiết thực, bền vững thì hỗ trợ: 5.000.000đ/Câu lạc bộ/năm.

c) Các Câu lạc bộ Ca trù, Trò Kiều thành lập mới: Hỗ trợ 100.000.000đ/Câu lạc bộ cho năm đầu tiên đi vào hoạt động, những nãm liếp theo hoạt động thiết thực, bền vững thì hỗ trợ 30.000.000đ/Câu lạc bộ/năm.

d) Hỗ trợ trên 50% kinh phí sưu tầm, xuất bản các ấn phẩm về Dân ca Ví, Giặm, Ca trù, Truyện Kiều, Mộc bản trường học Phúc Giang, Hoàng hoa sứ trình đồ và các tác phấm của Đại thi hào Nguyễn Du và các tác giả tiêu biểu của dòng họ Nguyễn - Tiên Điền, Nguyễn Huy - Trường Lưu.

e) Ngoài chính sách thưởng cho các Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú theo Nghị quyết 72/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hàng năm ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm cho một Nghệ nhân Ưu tú 1.000.000đ/người/tháng, Nghệ nhân Nhân dân 1.500.000đ/người/tháng.

g) Đôi với các Ca nương, kép đàn trong lình vực Ca trù, nghệ nhân Trò Kiều, ngâm Kiều, vịnh Kiều... khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức tại các cơ sở đào tạo ngoài tỉnh thì được tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí.

h) Đối với các tổ chức, cá nhân tham gia bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Truyện Kiều và Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ: Được hưởng các chính sách ưu đãi của tỉnh đã ban hành.

i) Đối với với các tài năng, nghệ nhân trẻ; các Nghệ nhân, văn nghệ sĩ, các tiết mục và các CLB Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Trò Kiều đạt thành tích tại các liên hoan khu vực và quốc gia: Được hưởng chính sách khen thưởng theo quy định của tỉnh.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với việc thành lập mới các Câu lạc bộ

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

- Quyết định thành lập Câu lạc bộ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Kế hoạch hoạt động của Câu lạc bộ;

- Quy chế hoạt động của Câu lạc bộ.

b) Đối với các Câu lạc bộ đã thành lập

Hằng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động, lập danh sách, tổng hợp kinh phí trình Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí.

c) Đối với các Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú

- Bản sao các Quyết định phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

- Danh sách trích ngang “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” đề nghị hỗ trợ chính sách.

d) Đối với Truyện Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thụ hưởng chính sách;

- Hồ sơ, chứng từ có liên quan nội dung đề nghị hỗ trợ.

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tổ chức liên quan gửi hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

b) Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp danh sách các đối tượng được thụ hưởng chính sách, các hồ sơ thủ tục liên quan gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, trước 30 tháng 6 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện, thống nhất bằng biên bản với địa phương và tổng hợp dự kiến kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính.

d) Sau khi nhận được văn bản đề nghị và đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

đ) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện thủ tục phân bổ kinh phí cho các đối tượng.

##### Điều 8. Chính sách hỗ trợ kinh phí bảo vệ di tích

###### 1. Nội dung, mức hỗ trợ:

a) Đối với di tích cấp quốc gia không có nguồn thu: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 300.000 đồng/di tích/tháng.

b) Đối với di tích cấp tỉnh: Giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cân đối ngân sách hỗ trợ tối thiểu 200.000 đồng/di tích/tháng.

###### 2. Quy trình thực hiện:

a) Đối với di tích quốc gia: Trên cơ sở các di tích đã được xếp hạng quốc gia, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn và bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hàng năm.

b) Đối với di tích cấp tỉnh: Giao Ủy ban nhân dân huyện quy định quy trình thực hiện.

##### Điều 9. Chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống thư viện

###### 1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ Thư viện tỉnh sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm 100 triệu đồng/năm (bao gồm cả dịch thuật tài liệu tiếng nước ngoài sang tiếng Việt). Đầu tư phát triển vốn tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử cho kho sách luân chuyển, lưu động tối đa 100 triệu đồng/năm.

b) Hỗ trợ 100 triệu đồng/hoạt động để tổ chức: Ngày hội sách; Trưng bày, triển lãm, sách, tư liệu quý; Tổ chức các hội thi đọc sách, nói chuyện giới thiệu sách, hội nghị, hội thảo về sách trong thanh niên.

c) Hỗ trợ 50 triệu đồng/năm để hiện đại hóa thư viện các huyện, thành phố, thị xã.

d) Hỗ trợ xây dựng mới thư viện độc lập 300 triệu/01thư viện (để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư, phần còn lại do ngân sách huyện và huy động các nguồn hợp pháp khác).

d) Hỗ trợ kinh phí bổ sung sách mỗi năm 10 triệu/năm/thư viện xã.

e) Hỗ trợ kinh phí để duy trì và phát triển thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng không vì mục tiêu lợi nhuận không quá 20 triệu đồng/năm, tùy vào quy mô, hiệu quả của hoạt động của thư viện cụ thể.

g) Hỗ trợ kinh phí thành lập mới thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng 100 triệu đồng/thư viện.

h) Hỗ trợ bổ sung sách thư viện mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp 10 triệu/năm.

i) Hỗ trợ mua sắm cơ sở vật chất, bổ sung sách chuyên ngành cho phòng đọc của Ban Chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện, Trung đoàn 481: 20 triệu/năm.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thiết chế thư viện.

b) Bản thuyết minh kế hoạch hoạt động, nội dung dự kiến đầu tư, mua sắm của các thư viện.

c) Văn bản đề xuất của các Sở, ngành chủ quản.

###### 3. Quy trình thực hiện

a) Hàng năm, các Thư viện tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, cơ sở giáo dục, quân đội, công an… gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về đơn vị quản lý trực tiếp.

b) Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị tổng hợp danh sách gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính.

c) Sau khi nhận được văn bản đề nghị và đầy đủ hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện thủ tục phân bổ kinh phí cho các đối tượng.

### Chương III CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VỀ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

##### Điều 10. Chế độ tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

###### 1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh trong thời gian tập luyện, tập huấn và thi đấu theo Quyết định triệu tập của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

###### 2. Nội dung, mức chi:

a) Tiền lương:

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước: được hưởng chế độ lương theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Đối với huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền: được hưởng mức lương 215.000 đồng/người/ngày theo thời gian thực tế tập luyện, tập huấn và thi đấu;

- Đối với vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: được hưởng mức lương 180.000 đồng/người/ngày theo ngày thực tế tập luyện, tập huấn, thi đấu*.*

b) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Được hưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Ngoài chế độ tiền lương quy định tại điểm a khoản này, huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách của bộ môn bóng chuyền, bóng đá được hỗ trợ:

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên của Đội tuyển Bóng chuyền Hà Tĩnh khi thi đấu tại giải Vô địch Quốc gia: huấn luyện viên trưởng: 25.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 18.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình chính: 15.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình dự bị: 10.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội tuyển trẻ: 6.000.000 đồng/người/tháng*;*

- Đối với huấn luyện viên, vận động viên của Đội tuyển Bóng chuyền Hà Tĩnh khi thi đấu tại giải hạng A toàn quốc: huấn luyện viên trưởng: 18.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 15.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình chính: 10.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội hình dự bị: 7.000.000 đồng/người/tháng; cầu thủ đội tuyển trẻ: 4.000.000 đồng/người/tháng;

- Đối với huấn luyện viên đội tuyển bóng đá trẻ các lứa tuổi U11, U13, U15, U17, U19: huấn luyện viên trưởng: 25.000.000 đồng/người/tháng; huấn luyện viên phó: 18.000.000 đồng/người/tháng.

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách lập dự toán kinh phí gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp chung vào Kế hoạch dự toán năm gửi Sở Tài chính.

c) Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và Kế hoạch dự toán năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định.

##### Điều 11. Chế độ dinh dưỡng

###### 1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu, đội tuyển người khuyết tật của tỉnh trong thời gian tập luyện, tập huấn và thi đấu theo Quyết định triệu tập của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

###### 2. Nội dung, mức chi:

a) Trong thời gian tập luyện, huấn luyện: huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh: 240.000 đồng/người/ngày; huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ: 200.000 đồng/người/ngày;

b) Trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao *(trừ Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam, Giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam)*: huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh: 320.000 đồng/người/ngày; huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển trẻ: 240.000 đồng/người/ngày.

c) Hỗ trợ thêm chế độ dinh dưỡng *(bằng tiền mặt)* trong thời gian tập luyện, tập huấn, thi đấu *(tối đa không quá 12 tháng)* đối với vận động viên thể thao thành tích cao: đối với vận động viên cấp kiện tướng: 75.000 đồng/người/ngày; đối với vận động viên cấp I: 50.000 đồng/người/ngày*.*

d) Chế độ thực phẩm chức năng bằng tiền mặt cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập luyện, tập huấn, thi đấu: vận động viên đội tuyển tỉnh: 35.000 đồng/người/ngày; vận động viên đội tuyển trẻ: 15.000 đồng/người/ngày.

đ) Huấn luyện viên, vận động viên khuyết tật được áp dụng chế độ dinh dưỡng như đối với đội tuyến tỉnh.

###### 3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

b) Dự toán kinh phí.

c) Các tài liệu, hồ sơ liên quan (nếu có).

###### 4. Quy trình thực hiện:

a) Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách lập dự toán kinh phí gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp chung vào Kế hoạch dự toán năm gửi Sở Tài chính.

c) Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và Kế hoạch dự toán năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm.

d) Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

##### Điều 12. Chế độ, chính sách khác

###### 1. Nội dung, mức chi:

a) Chế độ tiền tàu xe, chi phí thi đấu và trang thiết bị tập luyện hàng năm: đối với vận động viên: 20.000.000 đồng/người/năm; đối với huấn luyện viên: 15.000.000 đồng/người/năm.

b) Chế độ lưu trú cho huấn luyện viên, vận động viên trong gian đi thi đấu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/người/ngày.

c) Chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên, chi phí cải tạo sân bãi, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tập luyện cho các tuyến lớp nghiệp dư bóng đá liên huyện, thành phố, thị xã (tối đa 06 lớp): 100.000.000 đồng/lớp/năm.

d) Chính sách hỗ trợ một lần đối với vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi không tham gia tập luyện, thi đấu tại các đội tuyển:

Cứ mỗi 12 tháng làm vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được tính cộng dồn) được hưởng 01 tháng lương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này nhưng tối thiểu không dưới 1 tháng lương.

Khi cộng dồn thời gian: nếu có lẻ dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được tính là 1/2 năm; từ đủ 06 tháng đến 12 tháng được tính tròn 01 năm.

đ) Chính sách hỗ trợ kinh phí tổ chức Giải Bóng đá Thiếu niên Nhi đồng; Giải Bóng đá Vô địch toàn tỉnh; Giải bóng đá Festival: tối thiểu 150.000.000 đồng/giải/năm.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đối với chính sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- Thông báo trúng tuyển đơn vị quản lý vận động viên;

- Quyết định của cho đơn vị quản lý vận động viên về việc cho vận động viên nghỉ tập luyện.

b) Đối với các chính sách quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- Hợp đồng huấn luyện bóng đá nghiệp dư giữa đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách với Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao;

- Bảng chấm công tập luyện của huấn luyện viên, vận động viên do đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách lập.

c) Đối với các chính sách quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

- Kế hoạch tổ chức Giải;

- Điều lệ Giải;

- Dự toán kinh phí tổ chức Giải.

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Đối với các chế độ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này:

- Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm, đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách lập dự toán kinh phí gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp chung vào Kế hoạch dự toán năm gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và Kế hoạch dự toán năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện 01 lần/năm;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

b) Đối với chế độ quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

- Đơn vị quản lý trực tiếp các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi văn bản đề nghị hỗ trợ kèm tho 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hưởng chính sách, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản thông báo đến các đối tượng nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

d) Đối với chính sách quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

- Đơn vị trực tiếp tổ chức các hoạt động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị hỗ trợ và 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra, thẩm định đối tượng, điều kiện và tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị hỗ trợ và đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc không đủ điều kiện hưởng chính sách, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản thông báo đến các đối tượng nêu rõ lý do;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

##### Điều 13: Chính sách phát triển nguồn nhân lực thể thao thành tích cao

1. Ưu tiên tuyển dụng các vận động viên thể thao thành tích cao đạt nhiều thành tích đã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ huấn luyện để làm công tác huấn luyện; đảm bảo đủ 03 huấn luyện viên cho mỗi đội tuyển tỉnh; 02 huấn luyện viên đội tuyển trẻ.

2. Định kỳ hàng năm, bổ sung thêm 20 chỉ tiêu đào tạo, huấn luyện vận động viên các môn thể thao mũi nhọn, có thế mạnh của Hà Tĩnh.

##### Điều 14. Chính sách khen thưởng thể thao thành tích cao

###### 1. Nội dung, mức chi:

a) Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế:

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đại hội, giải thi đấu thể thao** | **Mức thưởng** | | |
| **Huy chương Vàng** | **Huy chương Bạc** | **Huy chương Đồng** |
| 1 | Đại hội Olympic | 100.000.000 | 70.000.000 | 50.000.000 |
| 2 | Đại hội Trẻ Olympic | 50.000.000 | 30.000.000 | 20.000.000 |
| 3 | Đại hội thể thao Châu Á - ASIAD | 50.000.000 | 30.000.000 | 20.000.000 |
| 4 | Đại hội thể thao trong nhà Châu Á - INDOOR GAMES | 50.000.000 | 30.000.000 | 20.000.000 |
| 5 | Vô địch thế giới | 50.000.000 | 30.000.000 | 20.000.000 |
| 6 | Vô địch trẻ thế giới | 30.000.000 | 20.000.000 | 15.000.000 |
| 7 | Vô địch châu Á | 30.000.000 | 20.000.000 | 15.000.000 |
| 8 | Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games | 30.000.000 | 20.000.000 | 15.000.000 |
| 9 | Vô địch Đông Nam Á | 20.000.000 | 15.000.000 | 10.000.000 |
| 10 | Đại hội Thể thao toàn quốc | 20.000.000 | 15.000.000 | 10.000.000 |
| 11 | Vô địch trẻ Châu Á | 15.000.000 | 10.000.000 | 7.000.000 |
| 12 | Vô địch trẻ Đông Nam Á | 15.000.000 | 10.000.000 | 7.000.000 |
| 13 | Các giải quốc tế trong khu vực Đông Nam Á | 15.000.000 | 10.000.000 | 7.000.000 |
| 14 | Vô địch quốc gia | 15.000.000 | 10.000.000 | 7.000.000 |
| 15 | Vô địch trẻ quốc gia | 7.000.000 | 5.000.000 | 3.000.000 |
| 16 | Cúp quốc gia | 7.000.000 | 5.000.000 | 3.000.000 |
| 17 | Các giải khu vực cấp quốc gia | 7.000.000 | 5.000.000 | 3.000.000 |

b) Mức thưởng đối với thành tích các môn thể thao đồng đội được tính bằng số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội nhân với 50% mức thưởng cho 1 vận động viên quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức thưởng đối với vận động viên phá kỷ lục:

Ngoài mức thưởng quy định tại điểm a, điểm b khoản này, vận động viên phá kỷ lục tại các giải đấu quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng như sau: phá kỷ lục Thế giới: 30.000.000 đồng; phá kỷ lục Châu Á: 20.000.000 đồng; phá kỷ lục Đông Nam Á: 15.000.000 đồng; phá kỷ lục quốc gia: 8.000.000 đồng; phá kỷ lục tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia: 5.000.000 đồng.

d) Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích trong thi đấu các giải quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng bằng mức thưởng đối với thành tích của vận động viên;

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo các môn thể thao đồng đội đạt thành tích trong thi đấu các giải quốc gia, khu vực, quốc tế được thưởng bằng mức thưởng đối với thành tích của đội tuyển.

d) Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên, lập thành tích tại các giải thể thao giành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, Thế giới và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao cấp quốc gia được thưởng bằng mức thưởng tương ứng theo quy định tại điểm a khoản này.

e) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyền Hà Tĩnh đạt thành tích tại Giải Vô địch quốc gia: huy chương Vàng: 500.000.000 đồng; huy chương Bạc: 300.000.000 đồng; huy chương Đồng: 200.000.000 đồng.

g) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyền Hà Tĩnh đạt thành tích tại Cúp quốc gia: huy chương Vàng: 200.000.000 đồng; huy chương Bạc: 150.000.000 đồng; huy chương Đồng: 100.000.000 đồng.

h) Mức thưởng đối với Đội bóng chuyền Hà Tĩnh đạt thành tích tại Giải trẻ các lứa tuổi và các giải khác trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn Bóng chuyền: huy chương Vàng: 150.000.000 đồng; huy chương Bạc: 100.000.000 đồng; huy chương Đồng: 70.000.000 đồng.

i) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành tích tại giải Vô địch Quốc gia: huy chương Vàng: 500.000.000 đồng; huy chương Bạc: 300.000.000 đồng; huy chương Đồng: 200.000.000 đồng.

k) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành tích tại Cúp quốc gia: huy chương Vàng: 400.000.000 đồng; huy chương Bạc: 200.000.000 đồng; huy chương Đồng: 100.000.000 đồng.

l) Mức thưởng cho Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Hà Tĩnh đạt thành tích tại giải hạng Nhất Quốc gia: huy chương Vàng: 400.000.000 đồng; huy chương Bạc: 200.000.000 đồng; huy chương Đồng: 100.000.000 đồng.

m) Mức thưởng cho các đội tuyển bóng đá trẻ lứa tuổi U11, U13, U15, U17, U19, U21 trẻ đạt thành tích tại giải bóng đá trẻ thuộc hệ thống thi đấu của Liên đoàn bóng đá Việt Nam: huy chương Vàng: 150.000.000 đồng; huy chương Bạc: 100.000.000 đồng; huy chương Đồng: 70.000.000 đồng.

###### 2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ.

b) Dự toán kinh phí.

c) Bản sao có chứng thực thành tích thi đấu.

d) Các tài liệu, hồ sơ liên quan (nếu có).

###### 3. Quy trình thực hiện:

a) Đơn vị quản lý các đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách gửi văn bản đề nghị khen thưởng và 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Căn cứ vào văn bản đề nghị khen thưởng, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, thẩm định và tổng hợp kinh phí đề nghị khen thưởng gửi Sở Tài chính;

- Sau khi nhận được văn bản đề nghị khen thưởng và đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ theo quy định.

### Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

##### Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách và các nguồn kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của Pháp luật.

2. Đối với kinh phí quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này do ngân sách các huyện, thành phố, thị xã và các xã phường, thị trấn bố trí.

##### Điều 16. Điều khoản thi hành

Bãi bỏ các quy định sau đây:

1. Nghị quyết số 153/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ, chính sách đối với Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nghị quyết số 265/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2021- 2025.

3. Điều 5 Nghị quyết số 93/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Ca trù, Truyện Kiều, Mộc bản Trường học Phúc Giang và Hoàng Hoa sứ trình đồ, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo.

4. Điều 9 Nghị quyết số 154/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phát triển bóng đá đến năm 2030.

##### Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng 01 năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **CHỦ TỊCH** |
| - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Ban Công tác đại biểu UBTVQH;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ; website Chính phủ;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  - Bộ ...;  - Kiểm toán Nhà nước khu vực II;  - Bộ Tư lệnh Quân khu IV;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng Tỉnh ủy;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;  - Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;  - Cổng TTĐT tỉnh;  - Lưu VP. |  |
| **Hoàng Trung Dũng** |

Phụ lục 1  
MẪU BIỂU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ   
XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ THAO XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, THÔN, TỔ DÂN PHỐ

***Mẫu số 1***

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN  XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *................, ngày ..... tháng ..... năm 20.....* |

TỜ TRÌNH  
Đề nghị hỗ trợ kinh phí chính sách đầu tư xây dựng   
các công trình văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

**1. THÔNG TIN CHUNG**

1.1. Tên đơn vị đề nghị hỗ trợ chính sách:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại: ; Fax:

1.4. Người đại diện theo pháp luật:

Số CMND/CCCD ; Nơi cấp

Ngày cấp

1.5. Số tài khoản: ; Mở tại:

**2. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO**

-

-

-

-

-

-

-

-

-

**3. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**3.1. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã**

**3.1.1. Xây dựng hội trường văn hóa đa năng (nếu có)**

- Quy mô của hạng mục/công trình:

- Tổng mức đầu tư:

- Thời gian khởi công:

- Thời gian đưa vào sử dụng:

- Các nội dung khác (nếu có):

3.1.2. Xây dựng khu thể thao (nếu có)

- Quy mô của hạng mục/công trình:

- Tổng mức đầu tư:

- Thời gian khởi công:

- Thời gian đưa vào sử dụng:

- Các nội dung khác (nếu có):

3.1.3. Xây dựng điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em (nếu có)

- Quy mô của hạng mục/công trình:

- Tổng mức đầu tư:

- Thời gian khởi công:

- Thời gian đưa vào sử dụng:

- Các nội dung khác (nếu có):

3.2. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố

3.2.1. Nhà văn hóa (nếu có)

- Nhà văn hóa thôn A

+ Quy mô của hạng mục/công trình:

+ Tổng mức đầu tư:

+ Thời gian khởi công:

+ Thời gian đưa vào sử dụng:

+ Các nội dung khác (nếu có):

- Nhà văn hóa thôn B

...

3.2.2 Khu thể thao (nếu có)

- Khu thể thao thôn A

+ Quy mô của hạng mục/công trình:

+ Tổng mức đầu tư:

+ Thời gian khởi công:

+ Thời gian đưa vào sử dụng:

+ Các nội dung khác (nếu có):

- Khu thể thao thôn B

…

**4. TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiền đề nghị hỗ trợ** | **Ghi chú** |
| **I** | **Cấp xã** |  |  |
|  | Hội trường văn hóa đa năng (nếu có) |  |  |
|  | Khu thể thao (nếu có) |  |  |
|  | Điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em (nếu có) |  |  |
| **II** | **Cấp thôn** |  |  |
| 1 | Nhà văn hóa (nếu có) |  |  |
|  | Nhà văn hóa thôn A |  |  |
|  | Nhà văn hóa thôn B |  |  |
|  | ... |  |  |
| 2 | Khu thể thao thôn (nếu có) |  |  |
|  | Khu thể thao thôn A |  |  |
|  | Khu thể thao thôn B |  |  |
|  | ... |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |

**5. CAM KẾT**

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Tờ trình và các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. UBND XÃ, PHƯỜNG,  THỊ TRẤN ...** |
| - Như trên;  - ...;  - ...;  - Lưu: VT... | **CHỦ TỊCH** |
|  | **...** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN  HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ ...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *................, ngày ..... tháng ..... năm 20.....* |

BẢNG TỔNG HỢP  
Đề nghị hỗ trợ kinh phí chính sách đầu tư xây dựng   
các công trình văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Nội dung đề nghị nghị hỗ trợ** | | | | | | | |
| **Hội trường văn hóa đa năng** | | **Khu thể thao** | | **Điểm vui chơi  giải trí cho người già và trẻ em** | | **Tổng cộng** | |
| **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** |
| 1 | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1. | Thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2. | Thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bẩn, tổ dân phố (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** |  | **TM. UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ ...** |
| - Như trên;  - ...;  - ...;  - Lưu: VT... |  | **CHỦ TỊCH** |
|  |  | **...** |